PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN HỌC TẬP DỰA TRÊN AI CHO LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC HỌC PHẦN TIẾNG HÀN THƯƠNG MẠI

TRẦN HẢI DƯƠNG[1]
LÊ LAN HƯƠNG[2]

Abstract: This study examines the process of developing Artificial Intelligence (AI)-driven learning resources for the flipped classroom model within a Business Korean curriculum. Adopting a Design-Based Research framework and the "Human-in-the-Loop" (HITL) collaborative model, the authors propose a five-step procedure for constructing a digital repository of learning materials standardized for professional discourse. The findings indicate that AI effectively supports the design of communicative scenarios, honorific systems, and adaptive assessments, while simultaneously repositioning the instructor's role as a "learning designer". The research confirms that AI serves as a "cognitive scaffold", empowering students to engage in proactive self-study prior to class. However, it also emphasizes that expert pedagogical validation remains essential to ensure the accuracy and nuances of the content.

Keywords: *Artificial Intelligence (AI), Flipped Classroom, Business Korean, Digital Learning Resources, Instructional Design.*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ ở giáo dục đại học, việc đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với phát triển học liệu số đã trở thành một yêu cầu tất yếu. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ tạo ra những công cụ hỗ trợ mới cho giảng dạy, mà còn đặt ra những vấn đề mang tính lí luận và sư phạm liên quan đến cách thức thiết kế, tổ chức và triển khai học liệu trong môi trường học tập hiện đại.

Đối với các học phần ngoại ngữ chuyên ngành, đặc biệt là Tiếng Hàn thương mại, yêu cầu đổi mới học liệu càng trở nên cấp thiết. Học phần này không chỉ hướng tới việc hình thành năng lực ngôn ngữ chung, mà còn đòi hỏi người học nắm vững ngữ vực thương mại, diễn ngôn chuyên ngành và bối cảnh giao tiếp nghề nghiệp cụ thể. Do đó, học liệu giảng dạy không thể chỉ dừng lại ở việc truyền tải tri thức ngôn ngữ, mà cần được thiết kế theo hướng hỗ trợ người học tiếp cận, xử lí và vận dụng kiến thức một cách chủ động, linh hoạt.

Trong bối cảnh đó, mô hình lớp học đảo ngược (LHĐN) được xem là một hướng tiếp cận phù hợp, bởi mô hình này nhấn mạnh vai trò của học liệu trong việc định hướng hoạt động tự học trước giờ lên lớp, đồng thời dành thời gian trên lớp cho các hoạt động tương tác, thực hành và xử lí tình huống. Tuy nhiên, việc triển khai hiệu quả LHĐN phụ thuộc lớn vào chất lượng và cấu trúc của hệ thống học liệu đi kèm - một vấn đề vẫn còn nhiều thách thức trong thực tiễn giảng dạy hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới học liệu trong bối cảnh chuyển đổi số và đặc thù của mô hình LHĐN trong giảng dạy Tiếng Hàn thương mại, nghiên cứu này nhằm phân tích vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc phát triển hệ thống học liệu phục vụ quá trình dạy - học theo hướng lấy người học làm trung tâm.

Cụ thể, nghiên cứu hướng tới hai mục tiêu chính dưới đây.

(1) Làm rõ cách thức AI hỗ trợ tái cấu trúc hệ thống học liệu cho LHĐN học phần Tiếng Hàn thương mại theo các nguyên tắc sư phạm phù hợp với đặc thù ngôn ngữ chuyên ngành.

(2) Phân tích vai trò của AI trong việc chuẩn hoá diễn ngôn chuyên ngành, hỗ trợ hoạt động đánh giá học tập và định hình lại vai trò của giảng viên trong quá trình thiết kế và triển khai học liệu.

[1] Trường Đại học Đại Nam; Email: duongth@dainam.edu.vn
[2] Trường Đại học Đại Nam; Email: huongll@dainam.edu.vn

Từ các mục tiêu trên, nghiên cứu tập trung trả lời hai câu hỏi nghiên cứu chính dưới đây:

(1) AI có thể được tích hợp vào quá trình thiết kế học liệu cho LHĐN học phần Tiếng Hàn thương mại theo những nguyên tắc và quy trình sư phạm nào?

(2) Việc ứng dụng AI trong phát triển học liệu ảnh hưởng như thế nào đến việc chuẩn hoá diễn ngôn chuyên ngành, hoạt động đánh giá học tập và vai trò của giảng viên trong bối cảnh đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành?

2. Cơ sở lí luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận

Việc xây dựng khung lí thuyết cho nghiên cứu này dựa trên sự giao thoa giữa các nguyên lí về giáo dục hiện đại và năng lực ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành. Để làm rõ lộ trình tái cấu trúc học liệu, phần này tập trung hệ thống hoá các lí thuyết nền tảng về mô hình LHĐN và vai trò của học liệu trong việc định hình nhận thức của người học. Đồng thời, nghiên cứu xem xét các đặc thù về diễn ngôn trong Tiếng Hàn thương mại dưới góc độ ngôn ngữ học ứng dụng, từ đó làm cơ sở để đánh giá khả năng tích hợp của trí tuệ nhân tạo như một tác nhân sư phạm kĩ thuật số trong quy trình thiết kế học tập hiện nay.

Mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom): Mô hình LHĐH được xác lập là một trong những hướng tiếp cận trọng tâm của giáo dục lấy người học làm trung tâm trong bối cảnh hiện đại. Theo Bergmann và Sams (2012), bản chất của mô hình này nằm ở việc chuyển dịch các hoạt động truyền thụ kiến thức cơ bản ra ngoài phạm vi lớp học, nhằm dành trọn vẹn thời gian tương tác trực tiếp cho các hoạt động thảo luận và vận dụng chuyên sâu. Đáng chú ý, Bishop và Verleger (2013) khẳng định rằng đặc trưng cốt lõi của LHĐN không chỉ nằm ở khía cạnh công nghệ hay việc sử dụng video bài giảng, mà chính là sự tái cấu trúc chu trình học tập, trong đó học liệu đóng vai trò là tác nhân trung gian kết nối giữa quá trình tự học cá nhân và tương tác tại lớp.

Chức năng sư phạm của học liệu trong dạy học đảo ngược: Trong hệ thống này, chức năng của học liệu đã có sự thay đổi căn bản về mặt sư phạm. Strayer (2012) cho rằng học liệu không còn đơn thuần là công cụ hỗ trợ giảng dạy mà đã trở thành yếu tố trung tâm điều phối toàn bộ hoạt động nhận thức. Dựa trên khung lí thuyết về phân loại mục tiêu nhận thức của Anderson và Krathwohl (2001), học liệu phục vụ giai đoạn chuẩn bị trước giờ học cần được thiết kế tập trung vào các mức độ nhận biết và thông hiểu; trong khi đó, các hoạt động trên lớp sẽ hướng tới các bậc tư duy cao hơn như vận dụng, phân tích và đánh giá. Hơn nữa, Laurillard (2012) nhấn mạnh việc xây dựng học liệu phải nằm trong một "chu trình đối thoại sư phạm", đòi hỏi người học phải tương tác liên tục với nội dung, giảng viên và cộng đồng học tập thay vì chỉ tiếp nhận thụ động các bản sao số hoá của bài giảng truyền thống.

Ngữ vực và diễn ngôn trong giảng dạy ngoại ngữ thương mại: Giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành (LSP) đòi hỏi học liệu phải giúp người học hình thành năng lực sử dụng diễn ngôn phù hợp bối cảnh nghề nghiệp. Theo Halliday (1994), ngữ vực được xác định qua ba yếu tố: trường giao tiếp, quan hệ giao tiếp và phương thức giao tiếp. Đặc biệt với Tiếng Hàn thương mại, học liệu cần đảm bảo tính chuẩn xác về văn hoá, thứ bậc và chuẩn mực lịch sự. Theo giả thuyết đầu vào của Krashen (1985), đầu vào ngôn ngữ cần có tính hệ thống và phù hợp trình độ để tối ưu hoá quá trình tiếp nhận diễn ngôn chuyên ngành.

2.2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu tiền đề đã xác lập nền tảng quan trọng khi định nghĩa học liệu là trung tâm điều phối chu trình học tập đảo ngược, đòi hỏi việc thiết kế phải dựa trên phân tầng nhận thức và đối thoại sư phạm thay vì chỉ số hoá bài giảng thuần túy (Strayer, 2012; Bishop & Verleger, 2013; Anderson & Krathwohl, 2001; Laurillard, 2012).

Trong lĩnh vực ngôn ngữ chuyên ngành, vai trò của đầu vào ngôn ngữ chuẩn hoá và hệ thống trong việc hình thành năng lực diễn ngôn bối cảnh đã được khẳng định mạnh mẽ bởi Halliday (1994), Hyland (2007) và Krashen (1985).

Bước sang kỉ nguyên số, AI được nhìn nhận như một "tác nhân sư phạm" giúp giải phóng sức sáng tạo của người dạy thông qua khả năng cá nhân hoá, xây dựng "giàn giáo nhận thức"[3] và thiết lập các học liệu tình huống đa phương thức (Luckin et al., 2016; Holmes et al., 2019; Zawacki-Richter & Marin, 2023; Moorhouse, 2024).

Đặc biệt, dù AI có ưu thế vượt trội trong mô phỏng diễn ngôn thực tế (Kohnke et al., 2023), nhưng trước những cảnh báo về hiện tượng "ảo tưởng ngôn ngữ" (Kasneci et al., 2023), xu hướng hiện nay tập trung vào mô hình "Human-in-the-loop" nhằm kết hợp năng lực tạo sinh của máy tính với vai trò thẩm định chuyên môn quyết định của giảng viên.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù các nghiên cứu tiền đề đã đặt nền móng quan trọng cho việc ứng dụng công nghệ và mô hình LHĐN trong giáo dục, vẫn tồn tại những khoảng trống đáng kể mà nghiên cứu này hướng tới giải quyết.

Thứ nhất, khoảng trống về quy trình kiểm soát chất lượng diễn ngôn chuyên biệt. Phần lớn các nghiên cứu hiện nay (như của Luckin et al., 2016; Holmes et al., 2019) tập trung vào khả năng hỗ trợ chung của AI trong giáo dục mà chưa đi sâu vào việc chuẩn hoá diễn ngôn trong các ngôn ngữ có hệ thống kính ngữ và ngữ vực khắt khe như Tiếng Hàn thương mại. Đặc biệt, hiện tượng "ảo tưởng ngôn ngữ" mà Kasneci và cộng sự (2023) cảnh báo đặt ra một thách thức lớn: làm thế nào để tận dụng tốc độ của AI nhưng vẫn đảm bảo sự chuẩn xác tuyệt đối của văn phong công sở Hàn Quốc?

Thứ hai, thiếu hụt các mô hình "giàn giáo nhận thức[4]" thực chứng cho sinh viên chuyên ngành. Các nghiên cứu về LHĐN (như Bishop & Verleger, 2013) thường nhấn mạnh vào hình thức tổ chức lớp học, nhưng chưa làm rõ cách thức thiết kế học liệu số sao cho phù hợp với trình độ trung cấp đang chuyển giao sang chuyên ngành. Nghiên cứu của Moorhouse (2024) chỉ ra rằng cần có một quy trình thiết kế bài bản để giảng viên không bị phụ thuộc hoàn toàn vào AI, nhưng một khung quy trình cụ thể áp dụng cho việc phát triển slide, video và bài kiểm tra Tiếng Hàn thương mại vẫn còn là khoảng trống nghiên cứu.

Thứ ba, sự thiếu thống nhất trong việc định hình vai trò của giảng viên khi tích hợp AI tạo sinh. Mặc dù lí thuyết của Laurillard (2012) coi giảng dạy là một khoa học thiết kế, nhưng trong bối cảnh các công cụ như ChatGPT hay Claude có thể khởi tạo nội dung tức thời, ranh giới giữa việc "sử dụng công cụ" và "thẩm định sư phạm" thường bị xoá nhoà. Các nghiên cứu mới nhất (như Kohnke et al., 2023) mới chỉ dừng lại ở việc liệt kê khả năng của AI mà chưa đề xuất một cơ chế vận hành cụ thể (như mô hình Human-in-the-loop) để duy trì vai trò chủ thể của giảng viên trong suốt quá trình phát triển tài nguyên học tập.

Tóm lại, khoảng trống lớn nhất chính là sự thiếu vắng một quy trình tích hợp AI có tính hệ thống, vừa đảm bảo tính hiện đại của công nghệ, vừa giữ vững được chiều sâu học thuật và đặc thù văn hoá của Tiếng Hàn thương mại. Nghiên cứu này được thực hiện là một nỗ lực phần nào lấp đầy khoảng trống đó thông qua việc đề xuất quy trình 5 bước và các nguyên tắc thiết kế học liệu thực tiễn tại Trường Đại học Đại Nam (ĐHĐN).

3. Phương pháp nghiên cứu và bối cảnh triển khai.

3.1. Bối cảnh giảng dạy học phần Tiếng Hàn thương mại tại Trường Đại học Đại Nam

Học phần Tiếng Hàn thương mại tại Trường ĐHĐN được thiết kế với mục tiêu kép: trang bị nền tảng ngôn ngữ học thuật và hình thành năng lực thực thi diễn ngôn trong các bối cảnh nghề nghiệp như đàm phán, giao dịch và soạn thảo văn bản công vụ. Đối tượng người học là sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc đã đạt trình độ trung cấp, bắt đầu chuyển sang giai đoạn tiếp cận ngữ vực chuyên ngành chuyên sâu.

Trong thực tiễn triển khai, học phần này đối mặt với mâu thuẫn giữa khối lượng kiến thức chuyên ngành lớn - bao gồm từ vựng kinh tế, hệ thống kính ngữ phức tạp và các quy ước văn hoá kinh doanh- với thời lượng tương tác trực tiếp trên lớp có hạn. Yêu cầu về tối ưu hoá thời gian thực hành tình huống

[3] Là thuật ngữ trong lí thuyết kiến tạo của Lev Vygotsky, chỉ sự hỗ trợ tạm thời từ người hướng dẫn (hoặc công cụ công nghệ) giúp người học thực hiện các nhiệm vụ vượt quá khả năng tự lực hiện tại, nhằm đạt tới vùng phát triển gần.

[4] Hiện tượng các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) tạo ra thông tin trông có vẻ hợp lí về mặt cấu trúc ngữ pháp nhưng thực tế là sai lệch, không có thật hoặc không có căn cứ từ dữ liệu huấn luyện.

đòi hỏi một mô hình tổ chức dạy học linh hoạt, mà ở đó LHĐN được xác định là giải pháp then chốt. Tuy nhiên, hiệu quả của mô hình này phụ thuộc trực tiếp vào tính cấu trúc và chất lượng của hệ thống tài nguyên học tập trước giờ học. Thực tế này xác lập nhu cầu cấp thiết về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) như một tác nhân hỗ trợ giảng viên trong việc tái cấu trúc học liệu, nhằm cá nhân hoá và chuẩn hoá trải nghiệm học tập của sinh viên.

Nghiên cứu thực hiện trên học phần Tiếng Hàn thương mại tại Trường ĐHĐN với sự tham gia của 128 sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc đã đạt trình độ trung cấp trở lên. Học liệu được chọn dựa trên giáo trình chuẩn ngành và các tình huống thực tế trong đàm phán, giao dịch, soạn thảo văn bản trong môi trường kinh doanh thương mại. Tiêu chí lựa chọn bao gồm: tính chuẩn xác của thuật ngữ chuyên ngành, sự phù hợp với khung năng lực tiếng Hàn trung cấp và tính điển hình của diễn ngôn thương mại.

3.2. Phương pháp nghiên cứu thiết kế

Để giải quyết các mục tiêu đã đề xuất, nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu thiết kế (Design-based Research) làm khung khổ thực hiện. Thay vì chỉ mô tả các công cụ công nghệ một cách rời rạc, phương pháp này tập trung vào việc xây dựng và chuẩn hoá quy trình phát triển học liệu có tính hệ thống. Việc mô hình hoá quy trình dựa trên AI cho phép nghiên cứu làm rõ sự dịch chuyển vai trò của giảng viên: từ người truyền thụ nội dung sang nhà thiết kế học tập. Cách tiếp cận này giúp trả lời câu hỏi nghiên cứu về các nguyên tắc sư phạm cần thiết để duy trì tính học thuật trong một môi trường học tập có sự can thiệp mạnh mẽ của công nghệ.

3.3. Phương pháp phân tích nội dung và thẩm định đối soát

Nhằm đảm bảo học liệu sau khi tái cấu trúc đạt được độ chuẩn xác cao về ngôn ngữ chuyên ngành, nghiên cứu áp dụng phương pháp Phân tích nội dung (Content Analysis) làm công cụ kiểm chứng. Các đầu ra do AI hỗ trợ khởi tạo (như slide bài giảng, video kịch bản tình huống) được thẩm định dựa trên ba trục tiêu chí dưới đây.

Một là tính chuẩn xác của thuật ngữ: Đối soát với các văn bản thương mại chuẩn định và từ điển chuyên ngành kinh tế.

Hai là sắc thái diễn ngôn: Kiểm chứng sự phù hợp của các cấp độ kính ngữ và phong cách giao tiếp công sở đặc thù của Hàn Quốc.

Ba là tính logic sư phạm: Đánh giá mức độ phân tầng thông tin theo thang nhận thức Bloom để phù hợp với năng lực tự học của sinh viên tại ĐHĐN.

Cuối cùng, tính khả thi của mô hình được củng cố thông qua phương pháp chuyên gia (Expert Review). Các giải pháp quy trình và học liệu mẫu được đánh giá chéo bởi các chuyên gia. Nhóm tác giả thực hiện việc lấy ý kiến phản biện từ các nhà nghiên cứu, giảng viên chuyên ngành để tinh chỉnh quy trình, đảm bảo các tài nguyên được phát triển không chỉ mang tính công nghệ mà còn bám sát thực tiễn yêu cầu của học phần Tiếng Hàn thương mại.

4. Phát triển hệ thống học liệu dựa trên AI cho LHĐN môn Tiếng Hàn thương mại

Trong mô hình LHĐN, học liệu không còn đóng vai trò đơn thuần là phương tiện truyền tải tri thức mà trở thành trụ cột tổ chức toàn bộ chu trình dạy - học, từ giai đoạn chuẩn bị trước giờ học, hoạt động tương tác trên lớp đến đánh giá và phản hồi sau giờ học. Đối với học phần Tiếng Hàn thương mại - nơi người học phải đồng thời nắm vững kiến thức ngôn ngữ và vận dụng được diễn ngôn chuyên ngành trong bối cảnh giao tiếp nghề nghiệp - việc phát triển học liệu đòi hỏi một cách tiếp cận mang tính thiết kế sư phạm có hệ thống.

Trong nghiên cứu này, AI được tích hợp như một công cụ hỗ trợ nhằm tái cấu trúc hệ thống học liệu gồm slide bài giảng, video học tập và các công cụ đánh giá, hướng tới việc xây dựng môi trường học tập số tương tác phù hợp với đặc trưng của LHĐN. Việc ứng dụng AI không nhằm thay thế vai trò của giảng viên mà nhằm tăng cường hiệu quả thiết kế, chuẩn hoá nội dung và hỗ trợ quá trình phản hồi dựa trên dữ liệu.

4.1. Nguyên tắc tái cấu trúc học liệu dựa trên AI

Việc phát triển hệ thống học liệu được vận hành dựa trên ba nguyên tắc sư phạm cốt lõi.

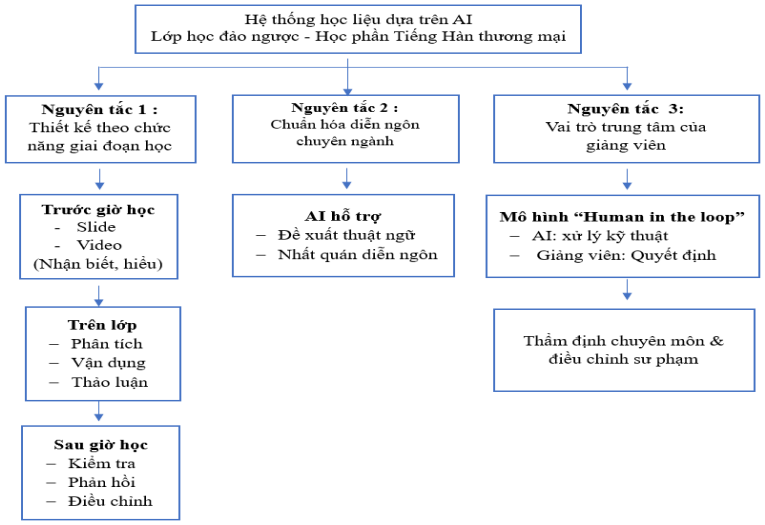
Trong LHĐN, quá trình học tập được tổ chức theo sự phân chia rõ ràng giữa không gian tự học trước giờ lên lớp và không gian tương tác, vận dụng trên lớp. Các nghiên cứu về LHĐN đều nhấn mạnh

rằng hoạt động tiếp nhận tri thức cơ bản nên được chuyển sang giai đoạn trước giờ học, trong khi thời gian trên lớp cần được dành cho các hoạt động xử lí nhận thức bậc cao như phân tích, vận dụng và thảo luận (Bergmann & Sams, 2012; Bishop & Verleger, 2013). Trên cơ sở đó, nguyên tắc thứ nhất trong tái cấu trúc học liệu là học liệu cần được thiết kế theo chức năng của từng giai đoạn học tập. Trong LHĐN, hoạt động tiếp nhận tri thức cơ bản được chuyển sang giai đoạn tự học trước giờ lên lớp, còn thời gian trên lớp dành cho các hoạt động nhận thức bậc cao như phân tích, vận dụng và thảo luận. Do đó, học liệu phải được tái cấu trúc theo chức năng sư phạm thay vì theo hình thức trình bày. Slide bài giảng và video trước giờ học đóng vai trò xây dựng nền tảng tri thức và định hướng nhận thức, trong khi các bài kiểm tra và hoạt động sau giờ học đảm nhiệm chức năng củng cố, phản hồi và điều chỉnh quá trình học tập. Cách tổ chức này cũng phù hợp với phân loại mục tiêu nhận thức theo thang Bloom.

Việc phân tầng học liệu theo nguyên tắc 1 này chính là sự cụ thể hoá thang đo nhận thức của Anderson và Krathwohl (2001). AI hỗ trợ tạo các nội dung ở mức độ "Nhận biết" và "Thông hiểu" (như video tóm tắt, slide thuật ngữ) để giải phóng thời gian trên lớp cho các bậc tư duy cao hơn như "Vận dụng" và "Phân tích" theo đúng mô hình của Bergmann và Sams (2012).

Nguyên tắc thứ hai là học liệu cần đảm bảo tính chuẩn hoá diễn ngôn chuyên ngành. Theo tiếp cận ngữ vực và diễn ngôn chức năng, việc sử dụng ngôn ngữ phụ thuộc chặt chẽ vào bối cảnh giao tiếp, quan hệ xã hội và mục đích giao tiếp (Halliday, 1994). Đối với các học phần ngoại ngữ chuyên ngành, sự nhất quán trong thuật ngữ, cấu trúc diễn đạt và phong cách giao tiếp có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình hình thành năng lực ngôn ngữ của người học (Hyland, 2007). AI có thể hỗ trợ đề xuất và nhất quán hoá đầu vào ngôn ngữ, nhưng việc lựa chọn và thẩm định vẫn thuộc về giảng viên nhằm đảm bảo tính chính xác và phù hợp văn hoá.

Nguyên tắc thứ ba là cần duy trì vai trò trung tâm của giảng viên trong thiết kế và kiểm soát học liệu. Các lí thuyết về thiết kế học tập đều khẳng định giảng viên là người xác lập mục tiêu, lựa chọn nội dung và tổ chức chu trình học tập (Laurillard, 2012). Trong bối cảnh ứng dụng AI, nhiều nghiên cứu về AI trong giáo dục cũng nhấn mạnh sự cần thiết của mô hình "human-in-the-loop[5]", trong đó AI đóng vai trò hỗ trợ kĩ thuật như xử lí dữ liệu, gợi ý cấu trúc hay tạo bản thảo, còn giảng viên giữ vai trò quyết định về mặt sư phạm và học thuật (Holmes et al., 2019).



Hình 1. Nguyên tắc tái cấu trúc học liệu dựa trên AI trong Lớp học đảo ngược học phần Tiếng Hàn thương mại

[5] **Con người trong vòng lặp:** Một mô hình tương tác trong đó quy trình tự động hoá của AI được kết hợp với sự can thiệp, giám sát và phản hồi của con người ở các giai đoạn then chốt nhằm tối ưu hoá độ chính xác và tính phù hợp của kết quả đầu ra.

Ba nguyên tắc trên tạo nền tảng lí luận cho việc triển khai cụ thể các loại học liệu trong hệ thống LHĐN môn Tiếng Hàn thương mại.

4.2. Quy trình tích hợp AI trong thiết kế học liệu

Quy trình 5 bước được xác lập dựa trên sự tổng hoà cơ sở lí thuyết và thực tiễn giảng dạy chuyên sâu. Về mặt lí thuyết, nghiên cứu kế thừa Chu trình đối thoại sư phạm của Laurillard (2012), đồng thời vận dụng nguyên lí "Con người trong vòng lặp" (Human-in-the-loop) để kiểm soát chất lượng ngôn ngữ. Về mặt thực tiễn, quy trình được đúc rút từ quá trình đào tạo tiếng Hàn thương mại tại Trường ĐHĐN, nhằm giải quyết trực tiếp các rào cản của sinh viên trong việc tiếp cận diễn ngôn chuyên ngành và một số khó khăn khi học tập cỉa sinh viên có thể kể ra như hệ thống kính ngữ công sở phức tạp.

Để hiện thực hoá các nguyên tắc trên, nghiên cứu đề xuất một quy trình vận hành gồm năm bước nhằm chuyển hoá tài nguyên giảng dạy truyền thống thành hệ thống học liệu số tương tác.

(1) Bước 1 là xác định mục tiêu và cung cấp dữ liệu đầu vào. Giảng viên lựa chọn nội dung trọng tâm, xác định mục tiêu học tập và cung cấp nguồn tư liệu chuẩn.

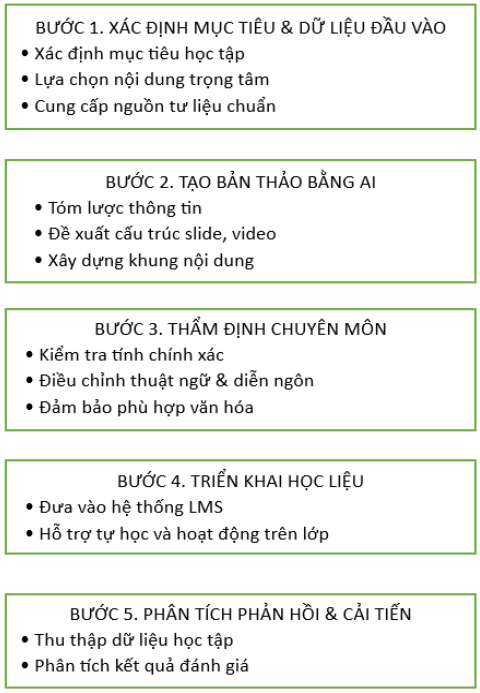
(2) Xử lí và tạo bản thảo sơ bộ bằng AI. Ở đây, AI sẽ hỗ trợ tóm lược thông tin, đề xuất cấu trúc logic cho slide và kịch bản video.

(3) Thẩm định chuyên môn và tinh chỉnh. Ở bước này, giảng viên sẽ kiểm chứng tính chính xác của thuật ngữ, điều chỉnh sắc thái diễn ngôn và đảm bảo tính phù hợp văn hoá.

(4) Triển khai và tương tác. Học liệu được đưa vào hệ thống quản lí học tập nhằm hỗ trợ quá trình tự học và hoạt động trên lớp.

(5) Phân tích phản hồi và điều chỉnh. Dữ liệu từ kết quả học tập và phản hồi của sinh viên được AI xử lí, giúp giảng viên cải tiến học liệu.

Quy trình này hình thành một chu trình khép kín, trong đó thiết kế, triển khai và đánh giá được liên kết chặt chẽ.



Hình 2. Quy trình tích hợp AI trong thiết kế học liệu

Bảng 1. Vai trò của AI và giảng viên trong phát triển học liệu

Giai đoạn	AI đảm nhiệm	Giảng viên đảm nhiệm
Tạo bản thảo	Sinh nội dung nhanh	Xác định mục tiêu
Chuẩn hoá ngôn ngữ	Đề xuất từ vựng	Kiểm chứng độ chính xác
Điều chỉnh văn hoá	Hạn chế	Điều chỉnh theo bối cảnh
Sử dụng trong lớp	Hỗ trợ	Tổ chức hoạt động học

4.3. Thiết kế các loại hình học liệu trong chu trình lớp học đảo ngược

4.3.1. Slide bài giảng định hướng nhận thức trước giờ học

Trong mô hình LHĐN, slide bài giảng trước giờ học không nhằm trình bày toàn bộ nội dung bài học, mà đóng vai trò định hướng nhận thức và dẫn dắt quá trình tự học của sinh viên. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm cho rằng học liệu trước giờ học cần giúp người học hình thành "bản đồ nhận thức" về nội dung, thay vì cung cấp thông tin chi tiết.

Với sự hỗ trợ của AI, giảng viên có thể phân tích nội dung bài học, xác định các khái niệm then chốt và tổ chức slide theo cấu trúc logic, làm nổi bật mối quan hệ giữa các nội dung. Ví dụ, với chủ đề bài học "Tìm việc làm" trong học phần Tiếng Hàn thương mại, giảng viên có thể đưa bản chụp nội dung bài học trong giáo trình vào các công cụ AI như NotebookLM để công cụ này tự động quét nội dung bài học, trích xuất các nội dung trọng tâm, đề xuất bố cục và tạo slide bài giảng tự động. Tuy nhiên, việc sử dụng AI ở đây không nhằm tự động hoá hoàn toàn quá trình thiết kế, mà nhằm hỗ trợ giảng viên trong việc tối ưu hoá cấu trúc và diễn đạt của slide, đảm bảo sự phù hợp với trình độ người học và mục tiêu của học phần.

Đối với môn Tiếng Hàn thương mại, slide bài giảng được tái cấu trúc còn đóng vai trò làm rõ bối cảnh giao tiếp, thuật ngữ chuyên ngành và đặc điểm diễn ngôn thương mại, tạo tiền đề cho các hoạt động vận dụng và tương tác trên lớp.

4.3.2. Video tóm tắt nội dung phục vụ tự học

Video tóm tắt nội dung bài học là học liệu trung tâm trong giai đoạn tự học của LHĐN. Theo các nghiên cứu về học tập đa phương tiện, video có hiệu quả khi được thiết kế ngắn gọn, tập trung vào nội dung cốt lõi và có dẫn dắt rõ ràng, giúp người học kiểm soát tiến độ học tập của mình.

Việc ứng dụng AI trong xây dựng video giúp giảng viên chuyển hoá nội dung bài học thành các đoạn thuyết minh ngắn, làm nổi bật các điểm then chốt và những nội dung dễ gây nhầm lẫn. Một công cụ AI mà các giảng viên có thể sử dụng khi tạo video tóm tắt bài giảng là NotebookLM. Ví dụ, liên quan đến chủ đề bài học "Dịch vụ khách hàng", công cụ AI này đã cho kết quả video tóm tắt nội dung mạch lạc, chính xác và có chỉ ra những từng vựng mà người học hay nhầm lẫn như: 고치다,수리하다, 수선하다,수정하다 khi nói về biểu hiện "sửa chữa" trong tiếng Hàn. Quan trọng hơn, trong giảng dạy Tiếng Hàn thương mại, video tóm tắt góp phần chuẩn hoá cách sử dụng thuật ngữ, cấu trúc câu và phong cách diễn đạt trong giao tiếp kinh doanh. Điều này phù hợp với các tiếp cận lí luận về tiếp nhận đầu vào ngôn ngữ, trong đó nhấn mạnh vai trò của đầu vào chuẩn, nhất quán và phù hợp trình độ đối với quá trình học ngoại ngữ.

Việc sử dụng AI để chuẩn hoá các biểu hiện dễ nhầm lẫn không chỉ là hỗ trợ kĩ thuật mà còn nhằm đảm bảo tính hệ thống của đầu vào ngôn ngữ theo Krashen (1985), giúp sinh viên tiếp nhận ngữ vực thương mại một cách tự nhiên và chính xác.

4.3.3. Bài kiểm tra ôn tập và đánh giá sau buổi học

Trong hệ thống học liệu của LHĐN, đánh giá không chỉ nhằm đo lường kết quả học tập mà còn là một bộ phận của chu trình học tập mang tính phát triển. Các tiếp cận về đánh giá vì sự học (assessment for learning) nhấn mạnh vai trò của phản hồi trong việc giúp người học nhận diện tiến trình học tập và điều chỉnh chiến lược học của mình (Black & Wiliam, 1998).

AI được sử dụng để hỗ trợ xây dựng các bài kiểm tra ôn tập với nhiều mức độ nhận thức khác nhau, đồng thời cung cấp phản hồi kịp thời cho sinh viên. Tuy nhiên, giá trị sư phạm của đánh giá không nằm ở mức độ tự động hoá, mà ở khả năng sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung và cách thức tổ chức học liệu. Trong nghiên cứu này, AI được xem là công cụ hỗ trợ phản hồi và thu thập dữ liệu, còn việc diễn giải và điều chỉnh học liệu vẫn do giảng viên đảm nhiệm.

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu về quy trình phát triển tài nguyên học tập dựa trên AI cho học phần Tiếng Hàn thương mại đã cho thấy những chuyển dịch quan trọng trong cả phương diện sư phạm lẫn ngôn ngữ học ứng dụng. Những phát hiện này không chỉ giải quyết các thách thức thực tiễn tại Trường ĐHĐN mà còn mở ra những không gian đối thoại mới với các nghiên cứu giáo dục hiện đại.

5.1. Giá trị của AI trong cấu trúc LHĐN: Từ lí thuyết đến thực thi

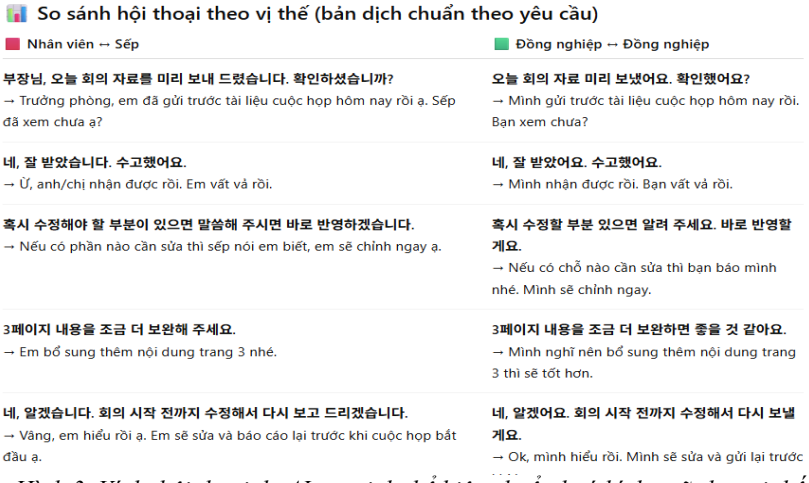
Việc ứng dụng AI để tạo ra các "thực thể học tập" (learning objects) như video tóm tắt và slide định hướng trong nghiên cứu này tương đồng với quan điểm của Zawacki-Richter và Marin (2023) về tiềm năng của AI tạo sinh trong việc cá nhân hoá học liệu số. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu của Bishop và Verleger (2013) chủ yếu nhấn mạnh vào tính linh hoạt của thời gian tự học, thì quy trình 5 bước được đề xuất trong nghiên cứu này phát triển theo hướng cụ thể hoá cách thức AI đóng vai trò là một

"giàn giáo nhận thức". Đối với sinh viên trình độ trung cấp, AI không chỉ đơn thuần cung cấp tài liệu, mà giúp phân tầng kiến thức (phân loại theo thang Bloom), giúp người học không bị quá tải trước khối lượng thuật ngữ thương mại đồ sộ - một điểm đặc thù mà các nghiên cứu về LHĐN đại trà thường bỏ qua.

5.2. Sự chuẩn hoá diễn ngôn và ngữ vực chuyên ngành

Điểm cốt lõi làm nên giá trị học thuật của nghiên cứu là khả năng tận dụng AI để chuẩn hoá diễn ngôn chuyên ngành. Kết quả này củng cố luận điểm của Kohnke và cộng sự (2023) về khả năng mô phỏng các ngữ vực (registers) tinh vi của AI. Trong bối cảnh Tiếng Hàn thương mại, nghiên cứu chứng minh rằng AI có thể hỗ trợ sinh viên nhận diện và vận dụng chính xác các cấp độ kính ngữ và phong cách công sở - những yếu tố vốn thường bị mờ nhạt trong các bộ giáo trình truyền thống. So với nghiên cứu của Hyland (2007) về diễn ngôn chuyên biệt, việc sử dụng AI tạo sinh giúp sinh viên không chỉ học "về" ngôn ngữ mà còn được thực hành "trong" ngôn ngữ thông qua các kịch bản tình huống do AI khởi tạo, đảm bảo tính thực tiễn và hiện đại của ngữ liệu.

Dưới đây là một dẫn chứng cụ thể khi giảng viên sử dụng ChatGPT để tạo kịch bản hội thoại đưa vào slide bài giảng với mục đích minh hoạ việc sử dụng đúng các cấp độ của kính ngữ khi giao tiếp trong chủ đề bài học là 회의 (Hội họp).



So sánh hội thoại theo vị thế (bản dịch chuẩn theo yêu cầu)

Nhân viên ↔ Sếp	Đồng nghiệp ↔ Đồng nghiệp
부장님, 오늘 회의 자료를 미리 보내 드렸습니다. 확인하셨습니까? → Trưởng phòng, em đã gửi trước tài liệu cuộc họp hôm nay rồi ạ. Sếp đã xem chưa ạ?	**오늘 회의 자료 미리 보냈어요. 확인했어요?** → Mình gửi trước tài liệu cuộc họp hôm nay rồi. Bạn xem chưa?
네, 잘 받았습니다. 수고했어요. → Ừ, anh/chị nhận được rồi. Em vất vả rồi.	**네, 잘 받았어요. 수고했어요.** → Mình nhận được rồi. Bạn vất vả rồi.
혹시 수정해야 할 부분이 있으면 말씀해 주시면 바로 반영하겠습니다. → Nếu có phần nào cần sửa thì sếp nói em biết, em sẽ chỉnh ngay ạ.	**혹시 수정할 부분 있으면 알려 주세요. 바로 반영할게요.** → Nếu có chỗ nào cần sửa thì bạn báo mình nhé. Mình sẽ chỉnh ngay.
3페이지 내용을 조금 더 보완해 주세요. → Em bổ sung thêm nội dung trang 3 nhé.	**3페이지 내용을 조금 더 보완하면 좋을 것 같아요.** → Mình nghĩ nên bổ sung thêm nội dung trang 3 thì sẽ tốt hơn.
네, 알겠습니다. 회의 시작 전까지 수정해서 다시 보고 드리겠습니다. → Vâng, em hiểu rồi ạ. Em sẽ sửa và báo cáo lại trước khi cuộc họp bắt đầu ạ.	**네, 알겠어요. 회의 시작 전까지 수정해서 다시 보낼게요.** → Ok, mình hiểu rồi. Mình sẽ sửa và gửi lại trước

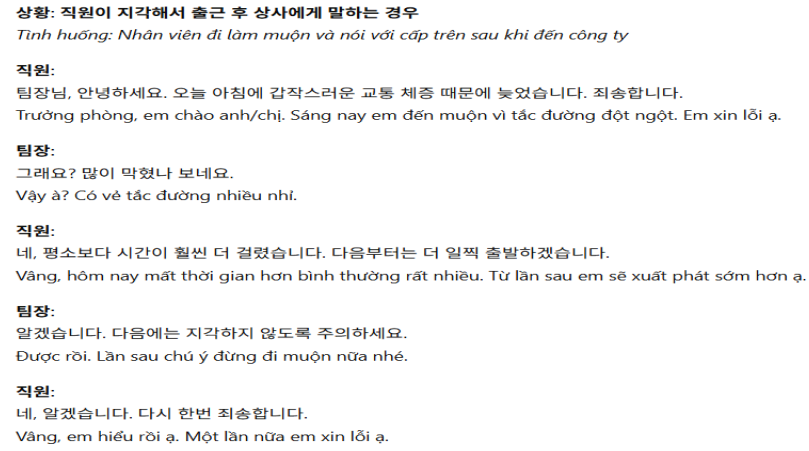
Hình 3. Ví dụ hội thoại do AI tạo sinh thể hiện chuẩn hoá kính ngữ theo vị thế trong môi trường công sở Hàn Quốc

Kết quả thực nghiệm cho thấy kịch bản hội thoại do AI tạo ra (Hình 3) đã giải quyết bài toán về ngữ vực và diễn ngôn chức năng của Halliday (1994). Thay vì học các mẫu câu rời rạc, sinh viên được đặt vào "trường giao tiếp" và "quan hệ giao tiếp" cụ thể , giúp hiện thực hoá lí thuyết về năng lực diễn ngôn bối cảnh của Hyland (2007) mà các giáo trình truyền thống khó truyền tải hết.

5.3. Vai trò của giảng viên trong mô hình Trí tuệ hỗn hợp "Hybrid Intelligence"

Một trong những phát hiện quan trọng nhất của nghiên cứu là sự định hình lại vai trò của giảng viên. Kết quả thực nghiệm tại ĐHĐN cho thấy giảng viên không bị thay thế, mà được nâng cấp thành một "nhà thiết kế học thuật" (Instructional Designer) theo tinh thần của Laurillard (2012). Sự kết hợp giữa tốc độ tạo sinh của AI và sự nhạy bén về văn hoá của con người tạo nên mô hình "Hybrid Intelligence" (Trí tuệ hỗn hợp). Việc kiểm soát hiện tượng "ảo tưởng" (hallucination) của AI như cảnh báo của Kasneci và cộng sự (2023) đã khẳng định rằng: tính nhân bản trong giáo dục ngôn ngữ nằm ở khả năng thẩm định và điều chỉnh nội dung của giảng viên. Điều này phản bác lại các lo ngại về việc công nghệ hoá quá mức làm mất đi bản sắc sư phạm.

Ví dụ dưới đây cho thấy vai trò quan trọng của giảng viên trong việc kiểm soát, hiệu đính nội dung kịch bản tình huống công sở bằng tiếng Hàn do các công cụ AI thực hiện. Ở đoạn hội thoại cho tình huống đi muộn này, mặc dù AI xây dựng kịch bản không có lỗi lớn về diễn đạt và cách sử dụng từ vựng và ngữ pháp nhưng vẫn mang nặng tính sách giáo khoa, chưa phù hợp với hoàn cảnh thực tế và văn hoá công sở Hàn Quốc. Thực tế, cuộc đối thoại giữa nhân viên và sếp trong các tình huống như vậy thường diễn ra nhanh chóng. Nhân viên Hàn Quốc khi đi muộn thường không mở đầu bằng lời chào mà sẽ lập tức xin lỗi, không biện minh dài dòng mà sẽ xin lỗi vì đến muộn rồi khẩn trương về vị trí làm việc luôn.


상황: 직원이 지각해서 출근 후 상사에게 말하는 경우
Tình huống: Nhân viên đi làm muộn và nói với cấp trên sau khi đến công ty

직원:
팀장님, 안녕하세요. 오늘 아침에 갑작스러운 교통 체증 때문에 늦었습니다. 죄송합니다.
Trưởng phòng, em chào anh/chị. Sáng nay em đến muộn vì tắc đường đột ngột. Em xin lỗi ạ.

팀장:
그래요? 많이 막혔나 보네요.
Vậy à? Có vẻ tắc đường nhiều nhỉ.

직원:
네, 평소보다 시간이 훨씬 더 걸렸습니다. 다음부터는 더 일찍 출발하겠습니다.
Vâng, hôm nay mất thời gian hơn bình thường rất nhiều. Từ lần sau em sẽ xuất phát sớm hơn ạ.

팀장:
알겠습니다. 다음에는 지각하지 않도록 주의하세요.
Được rồi. Lần sau chú ý đừng đi muộn nữa nhé.

직원:
네, 알겠습니다. 다시 한번 죄송합니다.
Vâng, em hiểu rồi ạ. Một lần nữa em xin lỗi ạ.

Hình 4. Kịch bản do AI tạo mà chưa có chỉnh sửa của giảng viên

Sự can thiệp của giảng viên trong việc điều chỉnh kịch bản "đi muộn" (Hình 4) minh chứng cho chu trình đối thoại sư phạm của Laurillard (2012). Giảng viên không chỉ dùng công cụ mà đóng vai trò thẩm định để đảm bảo học liệu đạt được độ tinh tế về văn hoá, đúng với tinh thần "Human-in-the-loop" đã đặt ra ở phần khung lí thuyết.

5.4. Thách thức và triển vọng áp dụng rộng rãi

Dù đạt được những kết quả khả quan, nghiên cứu cũng ghi nhận rào cản về năng lực số của giảng viên và sự phụ thuộc vào chất lượng câu lệnh (prompts). Phát hiện này tương thích với khung năng lực số của Moorhouse (2024), nhấn mạnh rằng sự thành công của AI trong giáo dục ngoại ngữ không phụ thuộc vào chính công nghệ, mà phụ thuộc vào việc công nghệ đó được tích hợp vào một quy trình sư phạm bài bản như thế nào. Đây chính là tiền đề để các cơ sở đào tạo Tiếng Hàn tại Việt Nam có thể cân nhắc áp dụng quy trình này nhằm nâng cao chất lượng học liệu số.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã tiến hành phân tích và thực thi quy trình phát triển tài nguyên học tập dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ mô hình LHĐN cho học phần Tiếng Hàn thương mại. Thông qua việc đối soát giữa lí thuyết thiết kế học tập hiện đại và thực tiễn giảng dạy tại Trường ĐHĐN, nghiên cứu khẳng định rằng việc ứng dụng AI không chỉ đơn thuần là sự bổ sung về mặt công cụ kĩ thuật mà còn đại diện cho một sự chuyển dịch sâu sắc về mặt sư phạm. Hệ thống tài nguyên học tập được tái cấu trúc thông qua quy trình 5 bước (từ xác định mục tiêu, khởi tạo nội dung đến thẩm định chuyên gia) đã tạo ra một "giàn giáo nhận thức" vững chắc, giúp sinh viên trình độ trung cấp tiếp cận hiệu quả với diễn ngôn chuyên ngành thương mại vốn có độ phức tạp cao về cả ngữ vực và văn hoá giao tiếp công sở.

Kết quả nghiên cứu cũng làm sáng tỏ vai trò không thể thay thế của giảng viên trong kỉ nguyên số. Mặc dù AI tạo sinh sở hữu năng lực vượt trội trong việc khởi tạo các kịch bản hội thoại và tài liệu hoá thuật ngữ chuyên ngành, song hiện tượng "ảo tưởng ngôn ngữ" và những sai sót về sắc thái kính ngữ đòi hỏi một cơ chế kiểm soát nghiêm ngặt theo mô hình "Human-in-the-loop". Điều này khẳng định rằng, trong đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành, giá trị của công nghệ chỉ được phát huy tối đa khi được đặt dưới sự định hướng sư phạm và năng lực phê phán học thuật của người dạy. Giảng viên hiện nay không còn giữ vai trò độc tôn trong việc truyền thụ tri thức mà đã chuyển dịch mạnh mẽ sang vai trò của một nhà thiết kế học tập và người điều phối trí tuệ hỗn hợp.

Dựa trên những phát hiện mang tính thực tiễn, nhóm tác giả đưa ra các khuyến nghị nhằm tối ưu hoá việc phát triển học liệu số trong tương lai. Trước hết, đối với các cơ sở giáo dục đại học, cần xác lập một khung năng lực số toàn diện cho đội ngũ giảng viên, trong đó chú trọng kĩ năng khai thác và thẩm định nội dung tạo sinh từ AI thay vì chỉ dừng lại ở các kĩ năng tin học cơ bản. Việc xây dựng một kho tài nguyên học tập dùng chung trên các hệ thống quản lí học tập (LMS) tích hợp AI sẽ tạo ra môi trường tương tác liên tục, giúp sinh viên cá nhân hoá lộ trình học tập và giảm bớt lo âu khi tiếp cận các tình huống thương mại thực tế.

Cuối cùng, hướng nghiên cứu tiếp theo cần tập trung vào các khảo sát thực nghiệm định lượng nhằm đo lường chính xác sự tác động của học liệu AI đến kết quả đầu ra của sinh viên chuyên ngành.

Việc mở rộng mô hình này sang các lĩnh vực ngôn ngữ chuyên biệt khác như Tiếng Hàn du lịch hay Biên - phiên dịch sẽ góp phần hoàn thiện khung lí thuyết về thiết kế học liệu số, từ đó nâng cao vị thế của các cơ sở đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện của nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

Tóm lại, nghiên cứu này đóng góp về mặt lí thuyết thông qua việc vận dụng mô hình "Trí tuệ hỗn hợp" và cơ chế "Human-in-the-loop" vào giảng dạy ngoại ngữ. Về mặt phương pháp, bài viết đề xuất quy trình 5 bước chuẩn hoá giúp tích hợp AI vào thiết kế học liệu số, giải quyết hiệu quả bài toán kiểm soát chất lượng diễn ngôn chuyên sâu. Về mặt ứng dụng, nghiên cứu cung cấp bộ tiêu chí thẩm định thực tiễn cùng hệ thống kịch bản kính ngữ thực chứng, giúp giảng viên tối ưu hoá việc xây dựng tài nguyên học tập cho LHĐN trong bối cảnh chuyển đổi số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Anh

1. Anderson, L. W., & Krathwohl, D. R. (Eds.). (2001). *A taxonomy for learning, teaching, and assessing: A revision of Bloom's taxonomy of educational objectives*. Longman.
2. Bergmann, J., & Sams, A. (2012). *Flip your classroom: Reach every student in every class every day*. International Society for Technology in Education.
3. Bishop, J. L., & Verleger, M. A. (2013). *The flipped classroom: A survey of the research*. In Proceedings of the 120th ASEE Annual Conference & Exposition. American Society for Engineering Education.
4. Black, P., & Wiliam, D. (1998). *Assessment and classroom learning*. Assessment in Education: Principles, Policy & Practice, 5(1), 7-74.
5. Halliday, M. A. K. (1994). *An introduction to functional grammar* (2nd ed.). Edward Arnold.
6. Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). *Artificial intelligence in education: Promises and implications for teaching and learning*. Center for Curriculum Redesign.
7. Hyland, K. (2007). *English for academic purposes: An advanced resource book*. Routledge.
8. Kasneci, E., et al. (2023*). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education*. Learning and Individual Differences, 103, 102273.
9. Kohnke, L., Moorhouse, B. L., & Zou, D. (2023). *ChatGPT for language teaching and learning*. Electronic Journal of Foreign Language Teaching, 20(2), 232-250.
10. Krashen, S. D. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Longman.
11. Laurillard, D. (2012). *Teaching as a design science: Building pedagogical patterns for learning and technology*. Routledge.
12. Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). *Intelligence unleashed: An argument for AI in education*. Pearson.
13. Moorhouse, B. L. (2024). *Generative AI for language teacher education: Navigating the new normal*. Postdigital Science and Education.
14. Strayer, J. F. (2012). *How learning in an inverted classroom influences cooperation, innovation and task orientation*. Higher Education, 64(2), 171-193.
15. Zawacki-Richter, O., & Marin, V. I. (2023). *Generative AI in higher education: A review of the state of the art.* Journal of Educational Technology in Higher Education.

Tiếng Hàn

16. 강소영 (2024). *한국어교육에서 챗GPT 활용 방안 연구-한국문화 수업의 교육 자료 제작을 중심으로-* [A study on the use of ChatGPT in Korean language education: Focusing on the production of educational materials in Korean culture classes]. Korean Language and Literature in International Context, (103), 373-403
17. 추육영 (2020). *플립드 러닝을 적용한 비즈니스 한국어 수업 모형 모색-상대 높임법을 기반한 이메일 작성을 중심으로* [A Study On the Applicability of Flipped-learning in Business Korean Class Model-Base on Korean Hearer Honorifics by writing the E-mail]. 한국(조선)어교육연구, 15, 253-273
18. 김윤희, 공하림 (2022*). 비즈니스 한국어 수업에서의 수업 활동에 대한 학습자 인식 연구* [A Study on Learners' Perceptions of Class Activities in Business Korean Classes]. 인문사회 21(The Journal of Humanities and Social science), 13(6), 4261-4270.